



BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỐ KIẾN THIẾT HẬU GIANG

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024
(đã được kiểm toán)



WE ARE AN INDEPENDENT MEMBER OF
THE GLOBAL ADVISORY
AND ACCOUNTING NETWORK

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Lãnh đạo	02 - 03
Báo cáo Kiểm toán độc lập	04
Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được kiểm toán	05 - 23
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	05 - 06
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	08
Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ	09 - 23

BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO

Ban Lãnh đạo Công ty TNHH MTV Xổ số Kiến thiết Hậu Giang (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024.

CÔNG TY

Công ty TNHH MTV Xổ số Kiến thiết Hậu Giang được chia tách từ Công ty Xổ số Kiến thiết thuộc Ủy Ban Nhân dân tỉnh Cần Thơ theo Quyết định số 58/2004/QĐ-UB ngày 20/01/2004 và chuyển đổi thành Công ty TNHH Một Thành viên Xổ số Kiến thiết Hậu Giang theo Quyết định số 2025/QĐ-UB ngày 28/07/2009. Công ty là doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước, được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 6406000003 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hậu Giang cấp lần đầu ngày 05 tháng 02 năm 2004, đăng ký thay đổi lần thứ 13 số 1800545163 ngày 22/08/2023.

Trụ sở chính của Công ty: Số 151 Đường 3/2, Phường V, Thành phố Vị Thanh, Tỉnh Hậu Giang.

BAN LÃNH ĐẠO VÀ KIỂM SOÁT VIÊN

Các thành viên của Ban Lãnh đạo và Kiểm soát viên đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Đỗ Hoàng Nam	Chủ tịch
Ông Lê Văn Thắng	Phó Giám đốc
Ông Võ Minh Duy	Phó Giám đốc
Bà Lê Thị Diễm Trang	Phó Giám đốc
Ông Huỳnh Thanh Liêm	Kế toán trưởng
Ông Nguyễn Hoàng Nam	Kiểm soát viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính giữa niên độ cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN LÃNH ĐẠO ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Lãnh đạo Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính giữa niên độ, Ban Lãnh đạo Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Lãnh đạo và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Lập các Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Lãnh đạo Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Lãnh đạo Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.



Thay mặt Ban Lãnh đạo

Lê Văn Thắng

Phó Giám đốc

Hậu Giang, ngày 24 tháng 07 năm 2024

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Ban Lãnh đạo
Công ty TNHH MTV Xổ số Kiến thiết Hậu Giang

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty TNHH MTV Xổ số Kiến thiết Hậu Giang được lập ngày 24 tháng 07 năm 2024, từ trang 5 đến trang 23, bao gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Lãnh đạo

Ban Lãnh đạo Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Lãnh đạo xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính giữa niên độ. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính giữa niên độ do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Lãnh đạo cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH MTV Xổ số Kiến thiết Hậu Giang tại ngày 30 tháng 06 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Đỗ Thị Ngọc Dung

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0659-2023-002-1

Hà Nội, ngày 24 tháng 07 năm 2024

T: (84) 24 3824 1990 | F: (84) 24 3825 3973 | 1 Le Phung Hieu, Hanoi, Vietnam



Hoàng Đức Anh

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 4876-2024-002-1



IS ONE OF THE MEMBERS OF THE GLOBAL ADVISORY AND ACCOUNTING NETWORK

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2024

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2024	01/01/2024
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		916.913.239.231	1.006.858.116.493
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	309.994.791.546	279.364.127.273
111	1. Tiền		309.994.791.546	199.364.127.273
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	80.000.000.000
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	4	340.000.000.000	470.000.000.000
121	1. Đầu tư ngắn hạn		340.000.000.000	470.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		261.615.442.500	249.070.192.777
131	1. Phải thu của khách hàng	5	248.092.940.475	205.416.113.575
132	2. Trả trước cho người bán	6	9.921.866.404	16.873.826.713
135	3. Các khoản phải thu khác	7	3.600.635.621	26.780.252.489
140	IV. Hàng tồn kho		2.860.583.636	3.971.630.471
141	1. Hàng tồn kho	8	2.860.583.636	3.971.630.471
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		2.442.421.549	4.452.165.972
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	11	2.442.421.549	4.452.165.972
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		108.862.249.899	111.803.415.183
220	I. Tài sản cố định		106.192.643.111	109.100.495.427
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	57.196.540.998	60.299.117.612
222	- Nguyên giá		91.367.743.644	90.499.003.788
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(34.171.202.646)	(30.199.886.176)
227	2. Tài sản cố định vô hình	10	48.489.856.742	48.359.340.778
228	- Nguyên giá		50.623.670.192	50.184.165.192
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(2.133.813.450)	(1.824.824.414)
230	3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		506.245.371	442.037.037
250	II. Đầu tư tài chính dài hạn	4	2.600.000.000	2.600.000.000
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		2.600.000.000	2.600.000.000
260	III. Tài sản dài hạn khác		69.606.788	102.919.756
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	11	69.606.788	102.919.756
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.025.775.489.130	1.118.661.531.676

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2024
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2024 VND	01/01/2024 VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		525.775.489.130	618.661.531.676
310	I. Nợ ngắn hạn		525.775.489.130	618.661.531.676
312	1. Phải trả người bán		164.419.750	428.487.100
314	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	12	487.745.024.846	570.709.537.213
315	3. Phải trả người lao động		8.026.091.601	8.444.600.107
319	4. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác		-	2.036.610.115
321	5. Dự phòng rủi ro trả thưởng	13	20.176.861.098	28.890.000.000
323	6. Quỹ khen thưởng phúc lợi		9.663.091.835	8.152.297.141
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		500.000.000.000	500.000.000.000
410	I. Vốn chủ sở hữu	14	500.000.000.000	500.000.000.000
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		500.000.000.000	460.000.000.000
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		-	40.000.000.000
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		<u>1.025.775.489.130</u>	<u>1.118.661.531.676</u>

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2024

Chỉ tiêu	Thuyết minh	30/06/2024 VND	01/01/2024 VND
1. Tài sản, giấy tờ có giá nhận thế chấp		390.070.980.551	376.140.146.955
2. Doanh số phát hành xổ số kiến thiết		120.000.000.000	120.000.000.000



Nguyễn Hoàng Thắng
Người lập biểu



Huỳnh Thanh Liêm
Kế toán trưởng



Lê Văn Thắng
Phó Giám đốc

Hậu Giang, ngày 24 tháng 07 năm 2024

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2024	6 tháng đầu năm 2023
			VND	VND
01	1. Doanh thu	16	2.740.342.809.067	2.552.909.030.904
01.1	1.1. Doanh thu kinh doanh xổ số		2.740.091.899.974	2.552.350.463.629
01.1.1	1.1.1. Xổ số truyền thống		2.740.091.899.974	2.552.350.463.629
01.2	1.2. Doanh thu kinh doanh khác		250.909.093	558.567.275
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	17	357.403.291.334	332.915.277.896
02.1	2.1. Giảm trừ doanh thu kinh doanh xổ số		357.403.291.334	332.915.277.896
02.1.1	2.1.1. Xổ số truyền thống		357.403.291.334	332.915.277.896
10	3. Doanh thu thuần		2.382.939.517.733	2.219.993.753.008
10.1	3.1. Doanh thu thuần kinh doanh xổ số		2.382.688.608.640	2.219.435.185.733
10.1.1	3.1.1. Xổ số truyền thống		2.382.688.608.640	2.219.435.185.733
10.2	3.2. Doanh thu thuần kinh doanh khác		250.909.093	558.567.275
11	4. Chi phí kinh doanh	18	1.935.274.088.408	1.783.192.679.480
11.1	4.1. Chi phí kinh doanh xổ số		1.935.274.088.408	1.783.192.679.480
11.1.1	4.1.1. Chi phí trả thưởng		1.456.550.500.000	1.310.676.500.000
11.1.2	4.1.2. Chi phí trực tiếp phát hành xổ số		478.723.588.408	472.516.179.480
20	5. Lợi nhuận gộp		447.665.429.325	436.801.073.528
20.1	5.1. Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh xổ số		447.414.520.232	436.242.506.253
20.2	5.2. Lợi nhuận gộp từ hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ khác		250.909.093	558.567.275
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	19	5.038.322.016	1.927.312.873
22	7. Chi phí tài chính		-	-
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		-	-
24	8. Chi phí bán hàng		-	-
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	20	79.035.674.803	69.549.059.717
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		373.668.076.538	369.179.326.684
31	11. Thu nhập khác		304.700.000	67.449.636
40	13. Lợi nhuận khác		304.700.000	67.449.636
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		373.972.776.538	369.246.776.320
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	21	74.794.555.307	73.813.012.108
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN		299.178.221.231	295.433.764.212

Nguyễn Hoàng Thắng
Người lập biểu

Huỳnh Thanh Liêm
Kế toán trưởng

Lê Văn Thắng
Phó Giám đốc

Hậu Giang, ngày 24 tháng 07 năm 2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024
(Theo phương pháp trực tiếp)

Mã số CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2024 VND	6 tháng đầu năm 2023 VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01 1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		2.971.724.335.100	2.826.481.626.257
02 2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	(1.978.456.684.217)		(1.784.225.988.738)
03 3. Tiền chi trả cho người lao động	(23.456.117.443)		(30.062.207.422)
05 5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	(29.171.456.451)		(29.134.384.940)
06 6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	124.558.185.884		125.523.244.872
07 7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	(773.091.530.968)		(745.082.973.009)
20 Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		292.106.731.905	363.499.317.020
II. LƯU CHUYỂN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	(1.991.591.181)		(9.939.459.818)
22 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	304.700.000		40.000.000
23 3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	(340.000.000.000)		(416.000.000.000)
24 4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	470.000.000.000		273.250.852.010
27 7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	29.178.486.400		7.942.399.334
30 Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		157.491.595.219	(144.706.208.474)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
36 6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	(418.967.662.851)		(229.703.553.483)
40 Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(418.967.662.851)	(229.703.553.483)
50 Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		30.630.664.273	(10.910.444.937)
60 Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		279.364.127.273	249.737.806.818
70 Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3	309.994.791.546	238.827.361.881


Nguyễn Hoàng Thắng
Người lập biểu


Huỳnh Thanh Liêm
Kế toán trưởng


Lê Văn Thắng
Phó Giám đốc

Hậu Giang, ngày 24 tháng 07 năm 2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty TNHH MTV Xổ số Kiến thiết Hậu Giang được chia tách từ Công ty Xổ số Kiến thiết thuộc Ủy Ban Nhân dân tỉnh Cần Thơ theo Quyết định số 58/2004/QĐ-UB ngày 20/01/2004 và chuyển đổi thành Công ty TNHH Một Thành viên Xổ số Kiến thiết Hậu Giang theo Quyết định số 2025/QĐ-UB ngày 28/07/2009. Công ty là doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước, được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 6406000003 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hậu Giang cấp lần đầu ngày 05 tháng 02 năm 2004, đăng ký thay đổi lần thứ 13 số 1800545163 ngày 22/08/2023.

Trụ sở chính của Công ty: Số 151 Đường 3/2, Phường V, Thành phố Vị Thanh, Tỉnh Hậu Giang.

Vốn điều lệ của Công ty là 500.000.000.000 VND.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2024 là: 114 người (tại ngày 01 tháng 01 năm 2024 là: 115 người).

Lĩnh vực kinh doanh

Doanh nghiệp nhà nước hoạt động trong lĩnh vực độc quyền tự nhiên.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là kinh doanh xổ số kiến thiết (Mã ngành 9200).

Thông tin về công ty liên kết của Công ty: xem chi tiết tại Thuyết minh số 4.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và bao gồm cả hướng dẫn kế toán áp dụng cho Công ty xổ số kiến thiết được Bộ Tài chính ban hành tại Thông tư 168/2009/TT-BTC ngày 19/08/2009.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ yêu cầu Ban Lãnh đạo phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc kỳ kế toán cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong Báo cáo tài chính giữa niên độ bao gồm:

- Dự phòng rủi ro trả thưởng;
- Dự phòng phải thu khó đòi;
- Phân loại và dự phòng đầu tư tài chính;
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho;
- Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định;
- Thời gian phân bổ chi phí trả trước;
- Ước tính thuế thu nhập doanh nghiệp.

2.4 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.5 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư ngắn hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư vào công ty liên kết: Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, căn cứ vào Báo cáo tài chính của công ty liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng.
- Đối với các khoản đầu tư ngắn hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.6 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính giữa niên độ căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

2.7 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.8 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Nếu các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Các chi phí khác phát sinh sau khi tài sản cố định đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ trong kỳ mà chi phí phát sinh.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng, với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25	năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 07	năm
- Phương tiện vận tải	06	năm
- Thiết bị quản lý	03 - 05	năm
- Cây lâu năm	06	năm
- Các tài sản khác	04	năm
- Quyền sử dụng đất	Không thời hạn	
- Phần mềm kế toán	02	năm

2.9 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác.

2.10 . Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.11 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 01 đến 03 năm.
- Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng từ 01 đến 03 năm.

2.12. Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.13. Dự phòng rủi ro trả thưởng

Theo quy định tại Nghị định 122/2017/NĐ-CP ngày 13/11/2017 của Chính phủ quy định một số nội dung đặc thù về cơ chế quản lý tài chính và đánh giá hiệu quả hoạt động đối với doanh nghiệp kinh doanh xổ số, điều kiện được trích lập dự phòng rủi ro trả thưởng là khi trong kỳ trích lập doanh nghiệp kinh doanh xổ số có tỷ lệ trả thưởng thực tế nhỏ hơn tỷ lệ trả thưởng kế hoạch của từng loại hình sản phẩm xổ số được phép kinh doanh theo quy định của pháp luật.

Theo Thông tư số 75/2013/TT-BTC ngày 04/06/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn chi tiết về hoạt động kinh doanh xổ số, tỷ lệ trả thưởng đối với xổ số truyền thống là 50%.

Việc trích lập quỹ dự phòng rủi ro trả thưởng được tạm trích lập theo quỹ và thực hiện quyết toán khi kết thúc năm tài chính.

Mức trích lập được xác định như sau: $DP_{tt} = DT \times TL_{kh} - TT_{tt}$

Trong đó:

- DP_{tt} : Mức trích dự phòng trả thưởng của từng loại hình xổ số;
- DT : Tổng doanh thu có thuế của từng loại hình xổ số trong kỳ trích lập;
- TL_{kh} : Tỷ lệ trả thưởng kế hoạch trong kỳ trích lập theo quy định đối với từng loại hình xổ số;
- TT_{tt} : Tổng giá trị trả thưởng thực tế đã thanh toán cho khách hàng trúng thưởng của từng loại hình xổ số trong kỳ trích lập thuộc trách nhiệm chi trả của doanh nghiệp kinh doanh xổ số.
- Đối với các công ty xổ số kiến thiết hoạt động kinh doanh tại khu vực miền Nam, mức trích lập phải đảm bảo tổng số dư quỹ dự phòng rủi ro trả thưởng tối đa không vượt quá 3% tổng doanh thu có thuế của tất cả các loại hình xổ số được phép trích lập tại thời điểm trích lập. Trường hợp tổng số dư quỹ dự phòng rủi ro trả thưởng trong kỳ vượt giới hạn trên, doanh nghiệp kinh doanh xổ số phải hoàn nhập vào thu nhập khác. Số dư quỹ dự phòng rủi ro trả thưởng sử dụng không hết được chuyển sang năm sau.

Doanh nghiệp kinh doanh xổ số sử dụng quỹ dự phòng rủi ro trả thưởng để trả thưởng khi tỷ lệ trả thưởng thực tế trong kỳ lớn hơn tỷ lệ trả thưởng kế hoạch. Trường hợp quỹ dự phòng trả thưởng không còn đủ để chi thì phần trả thưởng thực tế còn lại được tính vào chi phí kinh doanh.

2.14. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được phân phối theo các quy định tại Nghị định 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2.15. Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;

- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.16. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ là thuế tiêu thụ đặc biệt của xổ số.

2.17. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan, ... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

2.18. Ghi nhận chi phí tiền lương

Quỹ tiền lương thực hiện của viên chức quản lý được xác định tuân thủ theo hướng dẫn tại Nghị định 52/2016/NĐ-CP ngày 13/06/2016 của Chính phủ, Nghị định số 21/2024/NĐ-CP ngày 23/02/2024 của Chính phủ về việc sửa đổi một số điều của Nghị định 52/2016/NĐ-CP ngày 13/06/2016 và Thông tư 27/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/09/2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc hướng dẫn thực hiện chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với thành viên hội đồng thành viên hoặc chủ tịch công ty, kiểm soát viên, tổng giám đốc hoặc giám đốc, phó tổng giám đốc hoặc phó giám đốc, kế toán trưởng trong công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do nhà nước làm chủ sở hữu.

Quỹ tiền lương thực hiện của người lao động được xác định tuân thủ theo hướng dẫn tại Nghị định 51/2016/NĐ-CP ngày 13/06/2016 của Chính phủ, Nghị định số 21/2024/NĐ-CP ngày 23/02/2024 của Chính phủ về việc sửa đổi một số điều của Nghị định 51/2016/NĐ-CP ngày 13/06/2016 và Thông tư 26/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/09/2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc hướng dẫn thực hiện quản lý lao động, tiền lương và tiền thưởng đối với người lao động làm việc trong công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do nhà nước làm chủ sở hữu.

2.19. Thuế thu nhập doanh nghiệp

a. Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong kỳ kế toán hiện hành.

b. Thuế suất thuế TNDN hiện hành

Công ty hiện đang áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024.

2.20. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;

Mẫu số B 09a - XS

- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.21. Thông tin bộ phận

Công ty chủ yếu hoạt động trong lĩnh vực xổ số, đồng thời toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty được thực hiện trên lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không trình bày Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
Tiền mặt	25.416.218.764	23.924.509.470
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	284.578.572.782	175.439.617.803
Các khoản tương đương tiền	-	80.000.000.000
	309.994.791.546	279.364.127.273

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a. Đầu tư ngắn hạn

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	340.000.000.000	470.000.000.000
	340.000.000.000	470.000.000.000

(*) Số dư tiền gửi có kỳ hạn tại ngày 30/06/2024 là các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn gốc trên 3 tháng và kỳ hạn còn lại dưới 12 tháng tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 3,3%/năm đến 4,6%/năm, chi tiết bao gồm:

	30/06/2024
	VND
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	
- Chi nhánh Hậu Giang	120.000.000.000
- Chi nhánh Cần Thơ	20.000.000.000
- Chi nhánh Phú Quốc	40.000.000.000
- Chi nhánh Thủ Thiêm	10.000.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	
- Chi nhánh Ngã Bảy	20.000.000.000
- Chi nhánh Tây Đô	60.000.000.000
- Chi nhánh Hậu Giang	20.000.000.000
- Chi nhánh Cần Thơ	20.000.000.000
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Hậu Giang	20.000.000.000
Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Hậu Giang	10.000.000.000
	340.000.000.000

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

b. Đầu tư dài hạn

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
Đầu tư vào công ty liên kết		
- Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ In Hậu Giang	2.600.000.000	2.600.000.000
	2.600.000.000	2.600.000.000

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết của Công ty vào ngày 30/06/2024 như sau:

Tên Công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ In Hậu Giang	Hậu Giang	40%	40%	In ấn

5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
Bên khác		
- Đại lý Thái Phước Đại	20.640.439.500	19.158.779.000
- Đại lý Nguyễn Hoàng Anh	16.243.304.500	14.795.712.000
- Đại lý Mai Hữu Ảnh	12.628.637.000	12.182.659.000
- Phải thu đại lý khác	198.580.559.475	159.278.963.575
	248.092.940.475	205.416.113.575

6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
Bên khác		
- Công ty Cổ phần In Tổng hợp Cần Thơ	7.328.290.924	11.098.472.733
- Trung tâm Huấn luyện và Thi đấu thể thao tỉnh Hậu Giang	1.750.000.000	-
- Công ty TNHH Minh Thư	-	2.060.000.000
- Công ty Cổ phần Vàng bạc đá quý Phú Nhuận	-	2.359.315.000
- Các đối tượng khác	843.575.480	1.356.038.980
	9.921.866.404	16.873.826.713

7 . CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
- Lãi dự thu tiền gửi	-	24.140.164.384
- Tạm ứng	541.071.671	188.583.487
- Thuế TNCN đại lý vé số	2.194.604.850	2.445.565.618
- Phải thu khác	864.959.100	5.939.000
	3.600.635.621	26.780.252.489

8 . HÀNG TỒN KHO

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
- Hàng hóa biếu tặng	504.220.000	1.615.266.835
- Vé xổ số	2.356.363.636	2.356.363.636
	2.860.583.636	3.971.630.471

9 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Xem chi tiết Phụ lục 01.

10 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất (*) VND	Phần mềm kế toán VND	Cộng VND
Nguyên giá TSCĐ			
Số dư đầu kỳ	49.639.915.192	544.250.000	50.184.165.192
- Mua trong năm	-	439.505.000	439.505.000
Số dư cuối kỳ	49.639.915.192	983.755.000	50.623.670.192
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	1.280.574.414	544.250.000	1.824.824.414
- Khấu hao trong kỳ	284.572.092	24.416.944	308.989.036
Số dư cuối kỳ	1.565.146.506	568.666.944	2.133.813.450
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu kỳ	48.359.340.778	-	48.359.340.778
Tại ngày cuối kỳ	48.074.768.686	415.088.056	48.489.856.742

(*) Quyền sử dụng đất của Công ty bao gồm:

- Quyền sử dụng đất vô thời hạn tại số 125B Trần Bình Trọng, phường 2, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh. Mục đích sử dụng là để làm trạm thanh hủy và phát hành vé số.
- Quyền sử dụng đất tại nhà số 606 (138 cũ), đường 30 tháng 4, phường Hưng Lợi, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ gồm 3 thửa: 1 thửa đất lâu dài, 2 thửa đất có thời hạn. Mục đích sử dụng là để làm văn phòng đại diện.
- Quyền sử dụng đất vô thời hạn tại nhà số 151, đường 3 tháng 2, phường 5, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang. Mục đích sử dụng là để làm trụ sở Công ty.

- Nguyên giá TSCĐ vô hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 544.250.000 VND.

11 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
a. Ngắn hạn		
- Công cụ dụng cụ	515.515.330	355.149.394
- Chi phí quảng cáo hoạt động xổ số kiến thiết	1.351.590.908	4.097.016.578
- Chi phí sửa chữa văn phòng	575.315.311	-
	2.442.421.549	4.452.165.972
b. Dài hạn		
- Công cụ dụng cụ	69.606.788	102.919.756
	69.606.788	102.919.756

12 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Xem chi tiết Phụ lục 02.

13 . DỰ PHÒNG RỦI RO TRẢ THƯỜNG

	6 tháng đầu năm 2024 VND	6 tháng đầu năm 2023 VND
Dự phòng rủi ro trả thường đầu kỳ	28.890.000.000	28.890.000.000
- Tạm trích lập bổ sung trong kỳ	-	14.784.000.000
- Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	(8.713.138.902)	-
Dự phòng rủi ro trả thường cuối kỳ	20.176.861.098	43.674.000.000

14 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Cộng VND
Số dư đầu kỳ trước	400.000.000.000	60.000.000.000	-	460.000.000.000
Tăng vốn trong kỳ	60.000.000.000	(60.000.000.000)	-	-
Lãi trong kỳ trước	-	-	295.433.764.212	295.433.764.212
Tạm trích các quỹ	-	-	(12.279.536.516)	(12.279.536.516)
Nộp lợi nhuận còn lại về Ngân sách	-	-	(283.154.227.696)	(283.154.227.696)
Số dư cuối kỳ trước	460.000.000.000	-	-	460.000.000.000
Số dư đầu kỳ này	460.000.000.000	40.000.000.000	-	500.000.000.000
Tăng vốn trong kỳ ^(*)	40.000.000.000	(40.000.000.000)	-	-
Lãi trong kỳ này	-	-	299.178.221.231	299.178.221.231
Tạm trích các quỹ ^(**)	-	-	(14.401.059.673)	(14.401.059.673)
Nộp lợi nhuận còn lại về Ngân sách ^(**)	-	-	(284.777.161.558)	(284.777.161.558)
Số dư cuối kỳ này	500.000.000.000	-	-	500.000.000.000

(*) Theo Quyết định số 64/QĐ-UBND ngày 13/01/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang, Công ty được bổ sung vốn điều lệ trong giai đoạn 2023 - 2024 là 100 tỷ đồng. Theo đó, trong năm 2024 Công ty thực hiện tăng vốn thêm 40 tỷ và lấy nguồn từ Quỹ đầu tư phát triển đã trích trong năm tài chính 2023.

(**) Công ty thực hiện tạm trích các quỹ trong kỳ theo quy định tại Nghị định 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015.

14 . VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	30/06/2024	Tỷ lệ	01/01/2024	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
Vốn góp của Nhà nước	500.000.000.000	100,00	460.000.000.000	100,00
	500.000.000.000	100,00	460.000.000.000	100,00

15 . CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty thuê đất và trả tiền thuê theo thông báo của Cơ quan thuế chi tiết như sau:

Khu đất	Hợp đồng	Mục đích sử dụng	Thời gian	Diện tích(m ²)
Vị trí 1 Thửa đất số 18,19; tờ bản đồ số: 19, khu vực 2, phường V, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang.	Hợp đồng số 1636/HĐTĐ ngày 03/05/2018	Làm trụ sở Công ty	50 năm	124,7

16 . DOANH THU

	6 tháng đầu năm 2024	6 tháng đầu năm 2023
	VND	VND
Doanh thu kinh doanh xổ số truyền thống	2.740.091.899.974	2.552.350.463.629
Doanh thu khác	250.909.093	558.567.275
	2.740.342.809.067	2.552.909.030.904

17 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	6 tháng đầu năm 2024	6 tháng đầu năm 2023
	VND	VND
Thuế TTĐB của xổ số truyền thống	357.403.291.334	332.915.277.896
	357.403.291.334	332.915.277.896

18 . CHI PHÍ KINH DOANH

	6 tháng đầu năm 2024	6 tháng đầu năm 2023
	VND	VND
Chi phí kinh doanh xổ số	1.935.274.088.408	1.783.192.679.480
- Chi phí trả thưởng	1.456.550.500.000	1.310.676.500.000
- Chi phí trực tiếp phát hành xổ số (*)	478.723.588.408	472.516.179.480
	1.935.274.088.408	1.783.192.679.480

18 . CHI PHÍ KINH DOANH (tiếp theo)

(*) Chi tiết các khoản chi phí trực tiếp phát hành xổ số như sau:

	6 tháng đầu năm 2024	6 tháng đầu năm 2023
	VND	VND
1. Chi phí cho các đại lý	452.115.163.500	423.101.749.300
1.1. Hoa hồng đại lý bán vé	452.115.163.500	421.137.826.500
1.2. Chi phí ủy quyền trả thưởng	-	1.963.922.800
2. Chi phí quay số mở thưởng, giám sát	842.600.000	1.002.612.000
3. Chi phí chống số đề	249.027.750	40.000.000
4. Chi phí dự phòng rủi ro trả thưởng	(8.713.138.902)	14.784.000.000
5. Chi phí vé xổ số	31.418.181.816	30.239.999.998
6. Chi phí thông tin kết quả mở thưởng	2.333.554.244	1.870.818.182
7. Chi phí đóng góp cho Hội đồng xổ số kiến thiết khu vực	60.000.000	60.000.000
8. Chi phí trực tiếp phát hành khác	418.200.000	1.417.000.000
	478.723.588.408	472.516.179.480

19 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	6 tháng đầu năm 2024	6 tháng đầu năm 2023
	VND	VND
Lãi tiền gửi (*)	5.038.322.016	1.745.597.094
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	181.715.779
	5.038.322.016	1.927.312.873

(*) Phần lãi tiền gửi trên chưa bao gồm lãi dự thu của các khoản tiền gửi có kỳ hạn (Thuyết minh 04) tại thời điểm 30/06 và sẽ được hạch toán vào cuối năm tài chính.

20 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	6 tháng đầu năm 2024	6 tháng đầu năm 2023
	VND	VND
Chi phí nhân công	21.470.767.856	21.836.350.865
Chi phí công cụ, dụng cụ và đồ dùng	2.709.450.942	4.360.942.452
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.899.443.497	2.941.662.628
Thuế, phí, và lệ phí	120.802.303	87.118.634
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.148.761.068	939.775.145
Chi phí khác bằng tiền	48.686.449.137	39.383.209.993
	79.035.674.803	69.549.059.717

21 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	6 tháng đầu năm 2024	6 tháng đầu năm 2023
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	373.972.776.538	369.246.776.320
Các khoản điều chỉnh giảm	-	(181.715.779)
- Thu nhập không chịu thuế	-	(181.715.779)
Thu nhập chịu thuế TNDN	373.972.776.538	369.065.060.541
Chi phí thuế TNDN hiện hành (Thuế suất 20%)	74.794.555.307	73.813.012.108
Thuế TNDN phải nộp đầu kỳ	27.171.456.451	28.134.384.940
Thuế TNDN đã nộp trong kỳ	(29.171.456.451)	(29.134.384.940)
Thuế TNDN phải nộp cuối kỳ	72.794.555.307	72.813.012.108

22 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính giữa niên độ này.

23 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ In Hậu Giang	Công ty liên kết
Ông Đỗ Hoàng Nam	Chủ tịch
Ông Lê Văn Thắng	Phó Giám đốc
Ông Võ Minh Duy	Phó Giám đốc
Bà Lê Thị Diễm Trang	Phó Giám đốc
Ông Huỳnh Thanh Liêm	Kế toán trưởng
Ông Nguyễn Hoàng Nam	Kiểm soát viên

Công ty có các giao dịch phát sinh trong kỳ với các bên liên quan như sau:

	6 tháng đầu năm 2024	6 tháng đầu năm 2023
	VND	VND
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ In Hậu Giang		
- Nhận cổ tức	-	181.715.779

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	6 tháng đầu năm 2024	6 tháng đầu năm 2023
	VND	VND
- Thu nhập của Ban lãnh đạo Công ty	2.602.242.856	2.722.720.000

Ngoài giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong kỳ và không có số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với Công ty.

24 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ và thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán. Số liệu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.



Nguyễn Hoàng Thắng
Người lập biểu



Huỳnh Thanh Liêm
Kế toán trưởng



Lê Văn Thắng
Phó Giám đốc

Hậu Giang, ngày 24 tháng 07 năm 2024

Phụ lục 01 : TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cây lâu năm VND	TSCĐ hữu hình khác VND	Cộng VND
Nguyên giá							
Số dư đầu kỳ	54.423.576.448	13.944.920.192	9.861.672.620	11.458.879.815	454.825.926	355.128.787	90.499.003.788
- Mua trong kỳ	977.818.985	-	510.058.862	-	-	-	1.487.877.847
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(619.137.991)	-	-	-	(619.137.991)
Số dư cuối kỳ	55.401.395.433	13.944.920.192	9.752.593.491	11.458.879.815	454.825.926	355.128.787	91.367.743.644
Giá trị hao mòn lũy kế							
Số dư đầu kỳ	10.915.358.446	3.568.948.645	7.708.047.588	7.535.930.089	218.108.352	253.493.056	30.199.886.176
- Khấu hao trong kỳ	1.369.435.570	1.880.516.694	470.778.236	787.432.212	37.900.653	44.391.096	4.590.454.461
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(619.137.991)	-	-	-	(619.137.991)
Số dư cuối kỳ	12.284.794.016	5.449.465.339	7.559.687.833	8.323.362.301	256.009.005	297.884.152	34.171.202.646
Giá trị còn lại							
Tại ngày đầu kỳ	43.508.218.002	10.375.971.547	2.153.625.032	3.922.949.726	236.717.574	101.635.731	60.299.117.612
Tại ngày cuối kỳ	43.116.601.417	8.495.454.853	2.192.905.658	3.135.517.514	198.816.921	57.244.635	57.196.540.998

- Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết còn sử dụng: 11.208.590.066 VND.

Phụ lục 02 : THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	01/01/2024	Trong kỳ		30/06/2024
	Số phải nộp	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Số phải nộp
	VND	VND	VND	VND
- Thuế Giá trị gia tăng	46.746.447.268	270.870.568.978	267.867.190.170	49.749.826.076
- Thuế Tiêu thụ đặc biệt	62.135.998.892	357.403.291.334	353.607.077.075	65.932.213.151
- Thuế Thu nhập doanh nghiệp	27.171.456.451	74.794.555.307	29.171.456.451	72.794.555.307
- Phải nộp ngân sách lợi nhuận còn lại	415.967.581.843	284.777.161.558	418.967.662.851	281.777.080.550
- Thuế Thu nhập cá nhân công nhân viên	2.417.550.834	3.829.366.011	5.409.179.558	837.737.287
- Thuế Thu nhập cá nhân đại lý	3.930.101.925	22.701.107.955	22.460.997.405	4.170.212.475
- Thuế Thu nhập cá nhân người trúng thưởng	12.337.000.000	76.636.500.000	76.493.500.000	12.480.000.000
- Thuế Thu nhập cá nhân Hội đồng giám sát	3.400.000	162.280.000	162.280.000	3.400.000
- Thuế Nhà đất và tiền thuê đất	-	41.131.634	41.131.634	-
- Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	3.000.000	3.000.000	-
	570.709.537.213	1.091.218.962.777	1.174.183.475.144	487.745.024.846

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

